

VFS MACRO THÁNG 10/2014

07/11/2014



Diễn biến vĩ mô Tháng 10/2014 được duy trì ổn định và tiếp tục cho thấy xu hướng hồi phục của kinh tế trong nước

Đà phục hồi của nền kinh tế thế giới vẫn đang gặp nhiều thách thức và không đồng đều, ngoài những chuyển biến lạc quan của Hoa Kỳ, Anh và một số nước mới nổi, tăng trưởng vẫn còn khá trì trệ tại khu vực EU, Nga, Trung Quốc cùng ảnh hưởng của các cuộc khủng hoảng địa-chính trị, dịch bệnh Ebola... khiến Quỹ tiền tệ Thế giới (IMF) trong tháng 10 đã lần thứ 3 hạ dự báo tăng trưởng của kinh tế toàn cầu năm 2014-2015.

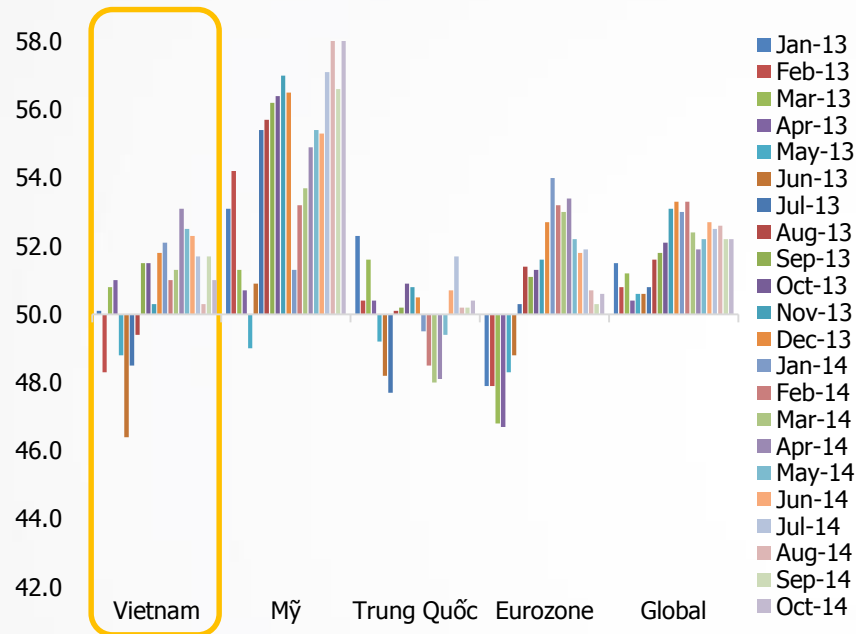
Trong khi đó, kinh tế vĩ mô trong nước được duy trì khá vững chắc và tiếp tục xu hướng phục hồi dần:

- Sản xuất trong nước tiếp tục mở rộng dù tốc độ thấp với PMI đạt 51.0 điểm. Xuất khẩu tiếp tục tăng trưởng tốt đặc biệt là khu vực kinh tế trong nước.
- Nền tảng vĩ mô được duy trì ổn định khi lạm phát được kiểm soát ở mức thấp 4.47% trong 10 tháng, là mức thấp nhất trong vòng 10 năm qua và vẫn còn cách xa mức lạm phát mục tiêu 7% của cả năm.
- Thị trường tài chính tiền tệ ổn định với mặt bằng lãi suất huy động và cho vay tiếp tục được điều chỉnh giảm và hiện ở mức thấp nhất từ trước đến nay; tăng trưởng tín dụng tăng tốc trong những tháng cuối năm với cơ cấu tín dụng chuyển dịch lành mạnh hơn; tỷ giá nhìn chung khá ổn định nhờ mức thặng dư thương mại 2.2 tỷ USD trong 9 tháng đầu năm.

Mặc dù vậy, tốc độ phục hồi nhìn chung còn khá chậm và nền kinh tế còn đối mặt với không ít khó khăn:

- Sức cầu trong nước còn yếu khi tăng trưởng tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng 10 tháng năm 2014 nếu loại trừ yếu tố giá mặc dù cao hơn cùng kỳ nhưng vẫn ở mức thấp.
- Vốn FDI đăng ký đầu tư mới vào Việt Nam 10 tháng đầu năm giảm 23.9% so với cùng kỳ do những bất ổn trong kinh tế thế giới.
- Việc tiếp cận vốn vay và các gói ưu đãi đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa vẫn còn khó khăn.

CHỈ SỐ PMI LĨNH VỰC SẢN XUẤT THẾ GIỚI



Nguồn: HSBC, Markit, VFS tổng hợp

Các chỉ số:

- Sản lượng sản xuất giảm nhẹ từ 53.3 còn 53.1
- Đơn đặt hàng mới không đổi 52.9
- Đơn đặt hàng xuất khẩu mới giảm từ 52.2 còn 50.9
- Việc làm vẫn ở mức 51.2
- Giá đầu vào giảm từ 52.8 còn 51.9
- Giá đầu ra 49.8, giảm từ mức 50.4 của tháng 9

Chỉ số PMI lĩnh vực sản xuất toàn cầu tháng 10/2014 đạt 52.2 điểm, không đổi so với tháng trước, cho thấy sản xuất duy trì mức mở rộng tháng thứ 23 liên tiếp.

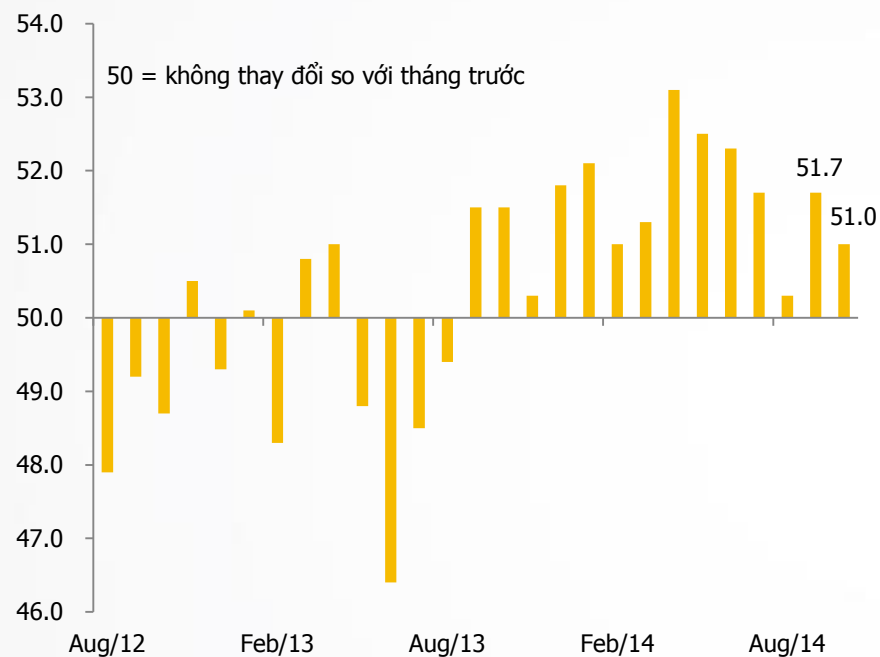
Tăng trưởng được dẫn dắt bởi khu vực Bắc Mỹ như Hoa Kỳ, Canada và Mexico nhờ sự cải thiện mạnh trong hiệu quả hoạt động. Tại Nhật Bản cũng cho thấy sự mở rộng vững chắc. Trong khi khu vực Eurozone, Trung Quốc và Nga vẫn còn khá trì trệ, tuy nhiên ở Anh đà tăng trưởng đã trở lại.

Sản lượng sản xuất toàn cầu theo đó tăng tháng thứ 24 liên tiếp. Lượng đơn hàng xuất khẩu mới tăng nhẹ, tuy nhiên mức tăng thấp nhất kể từ tháng 8 năm trước, trong đó giảm tại Anh, Pháp, Hàn Quốc, Brazil, Mexico, Indonesia và Nga.

Tốc độ tạo việc làm tiếp tục tăng tháng 15 liên tiếp, mức tăng tương đương với tháng trước và nhìn chung vẫn khá khiêm tốn. Trong đó, việc làm tăng khá vững chắc tại Mỹ, Đức và Anh, ổn định hơn tại Nhật Bản, Ấn Độ nhưng lại giảm ở Trung Quốc, Pháp, Hàn Quốc và Nga.

Về mặt giá cả, chi phí đầu vào bình quân trong tháng 10 tăng tuy nhiên mức tăng thấp nhất kể từ tháng 4. Trong khi đó, giá bán bình quân đã giảm lần đầu tiên trong 6 tháng trở lại, chủ yếu giảm tại Eurozone và Trung Quốc.

ĐẶC ĐIỂM CHÍNH CHỈ SỐ PMI VIỆT NAM



Nguồn: HSBC

Những đặc điểm chính:

- Sản lượng và số lượng đơn đặt hàng mới tăng
- Tốc độ tạo việc làm đạt mức cao của chín tháng
- Giá cả đầu vào tăng chậm nhất kể từ tháng 6/2013

Chỉ số PMI ngành sản xuất Việt Nam tháng 10/2014 mặc dù đạt 51.0 điểm, giảm nhẹ so với mức 51.7 của tháng 9. nhưng vẫn cho thấy có sự cải thiện chung về các điều kiện sản xuất kinh doanh trong suốt 14 tháng qua.

Lượng đơn đặt hàng mới tăng tháng thứ 2 liên tiếp, tuy nhiên mức tăng yếu hơn tháng 9. Trong đó ghi nhận mức tăng nhanh nhất trong vòng 6 tháng của hoạt động bán hàng xuất khẩu. Sản lượng theo đó tăng tháng thứ 13 liên tiếp với tốc độ nhẹ. Các công ty đã tuyển thêm nhân sự giúp tăng việc làm tháng thứ 2 liên tiếp và là mức tăng cao nhất trong năm.

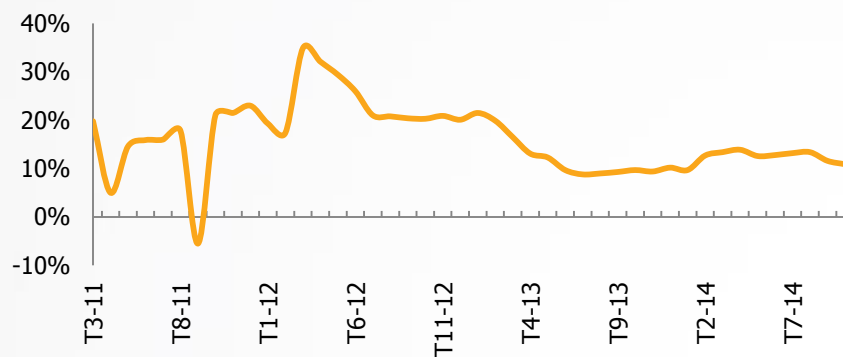
Giá cả đầu vào tiếp tục tăng trong tháng 10, nhưng tốc độ là chậm nhất kể từ tháng 6/2013. Theo đó các công ty đã có thể giảm giá cả đầu ra lần đầu tiên kể từ tháng 5.

Các nhà sản xuất đã tăng nhẹ việc mua hàng, giúp đủ lượng hàng trong kho và rút ngắn thời gian giao hàng lần đầu sau 7 tháng. Tốc độ tăng tồn kho thành phẩm chỉ là nhẹ như đã được ghi nhận trong tháng trước.

Thời gian tới, lĩnh vực sản xuất được kỳ vọng sẽ tiếp tục tăng trưởng trước nhu cầu cao hơn của nước ngoài. Bên cạnh đó, cùng với sự cải thiện của khu vực sản xuất trong nước sẽ góp phần giúp Việt Nam trở lại mức tăng trưởng trung bình trong dài hạn.

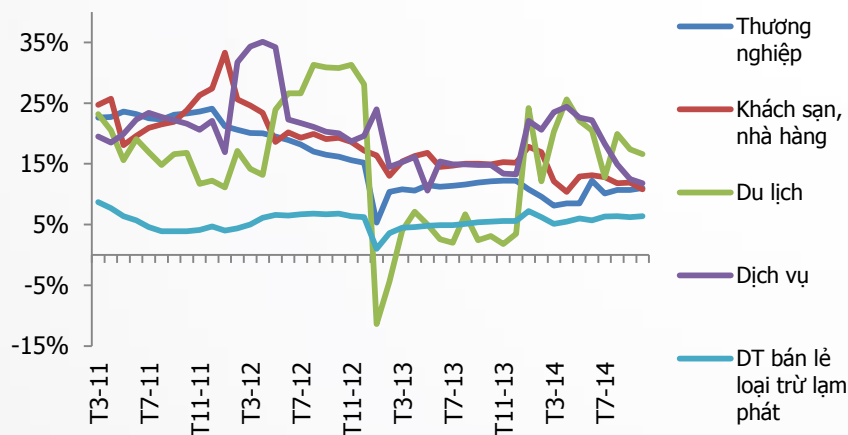
SỐ LIỆU VĨ MÔ T10/2014

TỒN KHO SO VỚI CÙNG THỜI ĐIỂM NĂM TRƯỚC



Nguồn: Tổng Cục Thống kê

TĂNG TRƯỞNG DOANH THU BÁN LẺ SO VỚI CÙNG KỲ



Nguồn: Tổng Cục Thống kê

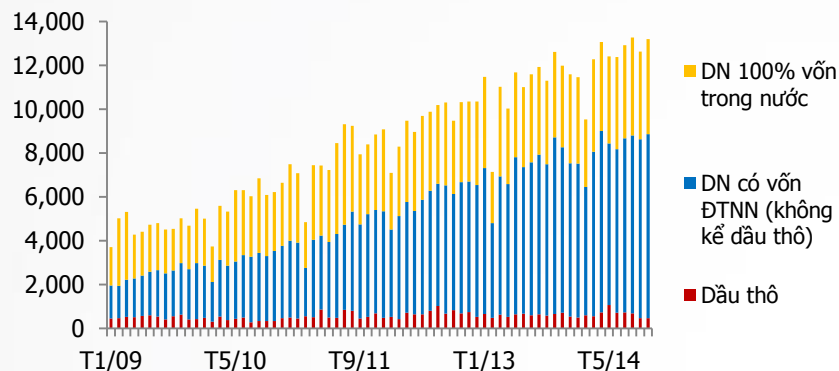
Chỉ số tồn kho ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tại thời điểm 01/10/2014 tăng 10.9% so với cùng thời điểm năm trước, cao hơn mức tăng 9.7% của cùng thời điểm năm trước và thấp hơn mức tăng 11.6% của cùng thời điểm tháng trước.

Những ngành có chỉ số tồn kho tăng cao hơn nhiều so với mức tăng chung: Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy +42.6%; sản xuất kim loại +34.8%; sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu +34.5%; sản xuất trang phục +28.4%; sản xuất sản phẩm điện tử máy, vi tính và quang học +24.1%; sản xuất chế biến thực phẩm +20.8%

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 10 ước tính đạt 251.2 nghìn tỷ đồng, tăng 1.6% so với tháng trước và tăng 10.7% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 10 tháng năm nay, tổng mức bán lẻ ước đạt 2,399.5 nghìn tỷ đồng, tăng 11.1% so với cùng kỳ, nếu loại trừ yếu tố giá tăng 6.4%, cao hơn mức tăng 5.5% của cùng kỳ năm 2013.

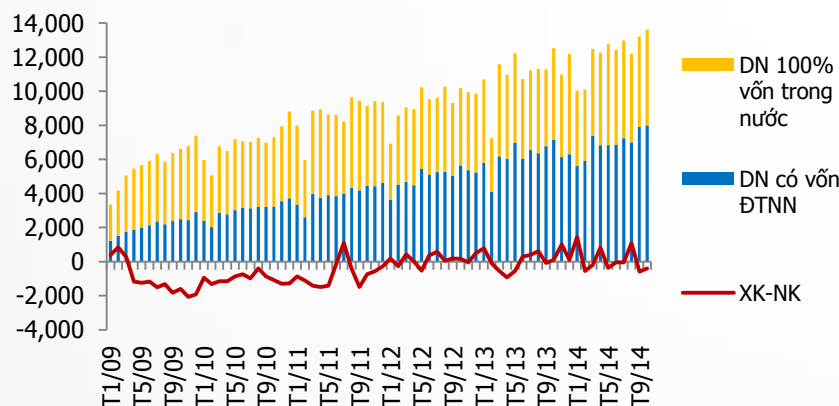
Trong tổng mức hàng hoá bán lẻ và dịch vụ tiêu dùng 10 tháng, kinh doanh bán lẻ hàng hóa chiếm 75.4% tổng số và tăng 11.0% so với cùng kỳ; dịch vụ lưu trú ăn uống chiếm 12.1% và tăng 10.8%; dịch vụ khác chiếm 11.5% và tăng 11.8%; du lịch lữ hành chiếm 1% và tăng 16.6%.

XUẤT KHẨU THEO THÁNG (TRIỆU USD)



Nguồn: Tổng Cục Thống kê

NHẬP KHẨU THEO THÁNG (TRIỆU USD)



Nguồn: Tổng Cục Thống kê

Kim ngạch xuất khẩu thực hiện tháng 9 đạt 12.6 tỷ USD, cao hơn 234 triệu USD so với số ước tính. Trong tháng 10, xuất khẩu ước tính đạt 13.2 tỷ USD, tăng 4.5% so với tháng trước và tăng 5.5% so với cùng kỳ.

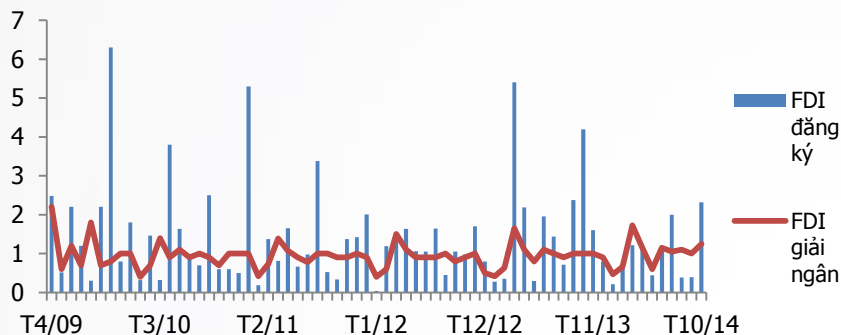
Tính chung 10 tháng, hàng hóa xuất khẩu ước tính đạt 123.1 tỷ USD, tăng 13.4% so với cùng kỳ. Trong đó khu vực FDI chiếm 67.2% tổng kim ngạch xuất khẩu. Một số mặt hàng xuất khẩu chủ lực có kim ngạch tăng cao so với cùng kỳ là: Điện thoại và linh kiện +6.9%, dệt may +19.3%, giày dép +23.1%, thủy sản +20.6%...

Kim ngạch nhập khẩu thực hiện tháng 9 đạt 13.2 tỷ USD, cao hơn 216 triệu USD so với số ước tính. Trong tháng 10, kim ngạch nhập khẩu đạt 13.6 tỷ USD, tăng 2.9% so với tháng trước và tăng 8.8% so với cùng kỳ.

Tính chung 10 tháng đầu năm, kim ngạch nhập khẩu đạt 121.2 tỷ USD, tăng 11.2% so với cùng kỳ. Một số mặt hàng nhập khẩu lớn có kim ngạch tăng cao so với cùng kỳ là: Máy móc thiết bị dụng cụ +20.4%; vải +13.4%; xăng dầu +19.4%; sắt thép +10.5%...

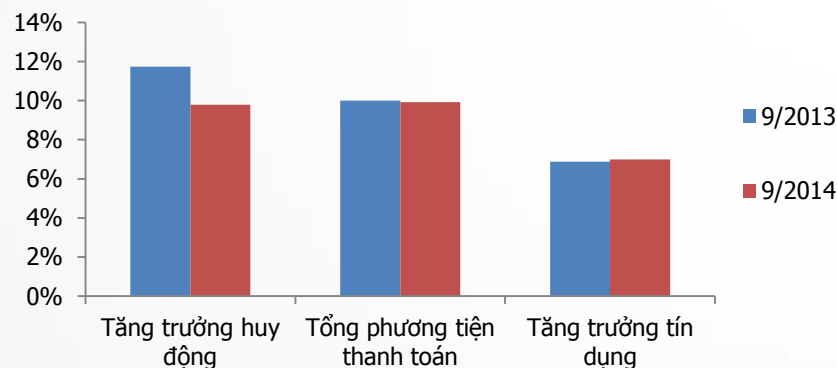
10 tháng ước tính xuất siêu 1.87 tỷ USD. Trong đó, tăng trưởng xuất và nhập khẩu khu vực kinh tế trong nước chuyển biến lạc quan lần lượt tăng 12.9% và 12.0% (cùng kỳ là 3.0% và 3.5%), khu vực FDI lần lượt tăng 13.6% và 10.7% (cùng kỳ là 22.3% và 25.7%).

THU HÚT VỐN FDI (TỶ USD)



Nguồn: Tổng Cục Thống kê

HUY ĐỘNG & TÍN DỤNG SO VỚI CUỐI NĂM TRƯỚC



Nguồn: Ngân hàng Nhà nước

FDI đăng ký từ đầu năm đến thời điểm 20/10/2014 thu hút 1,306 dự án được cấp phép mới với số vốn đăng ký đạt 9,954.5 triệu USD, tăng 24.4% về số dự án và giảm 23.9% về số vốn so với cùng kỳ năm 2013.

FDI đăng ký 10 tháng chủ yếu tập trung vào ngành công nghiệp chế biến, chế tạo chiếm 70.8% tổng vốn đăng ký; ngành kinh doanh bất động sản chiếm 8.9%; ngành xây dựng chiếm 7.5%, các ngành còn lại chiếm 12.8%.

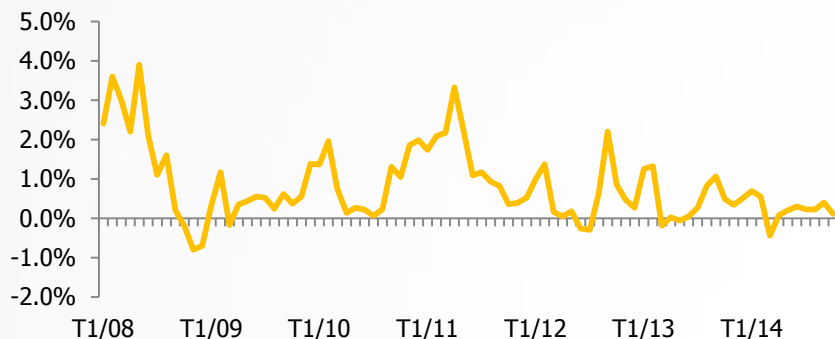
FDI thực hiện 10 tháng đầu năm ước tính đạt 10.2 tỷ USD, tăng 5.9% so với cùng kỳ năm 2013.

Tính tới 24/10/2014, tổng phương tiện thanh toán tăng 11.85% so với cuối năm, huy động vốn tăng 11.88%, trong đó huy động vốn VNĐ tăng 13.17% chủ yếu ở khu vực dân cư trong điều kiện mặt bằng lãi suất VNĐ giảm cho thấy gửi tiền vào hệ thống ngân hàng vẫn đang là kênh lựa chọn của người dân.

Tăng trưởng tín dụng toàn hệ thống hết đến 24/10/2014 đạt 7.85% so với cuối năm trước, cao hơn mức 7.18% của tháng 10/2013. Cơ cấu tín dụng tiếp tục chuyển dịch theo hướng tập trung vào các ngành, lĩnh vực ưu tiên theo chủ trương của Chính phủ.

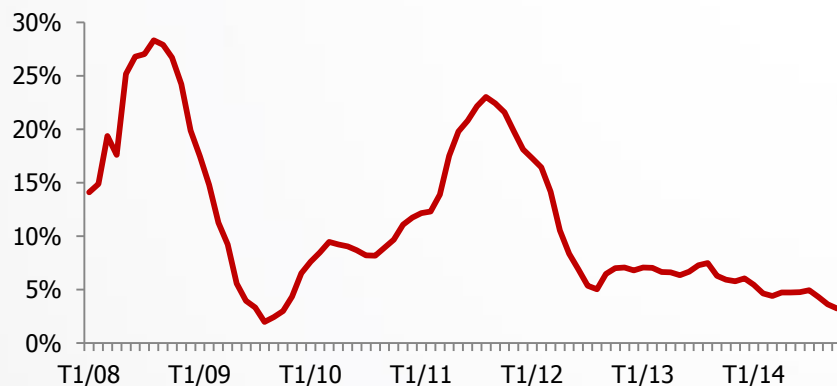
Nợ xấu tính đến cuối tháng 9/2014 chiếm 3.88% tổng dư nợ toàn hệ thống, giảm nhanh trong vòng 3 tháng qua (cuối năm 2013, tỷ lệ nợ xấu là 3.61%).

TĂNG TRƯỞNG CPI SO VỚI THÁNG TRƯỚC



Nguồn: Tổng Cục Thống kê

TĂNG TRƯỞNG CPI SO VỚI CÙNG KỲ (THEO THÁNG)



Nguồn: Tổng Cục Thống kê

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 10/2014 tăng 0.11% so với tháng trước, tăng 3.23% so với cùng kỳ năm trước; tăng 2.36% so với tháng 12/2013. Tính chung 10 tháng năm nay, CPI tăng 4.47% so với bình quân cùng kỳ năm trước.

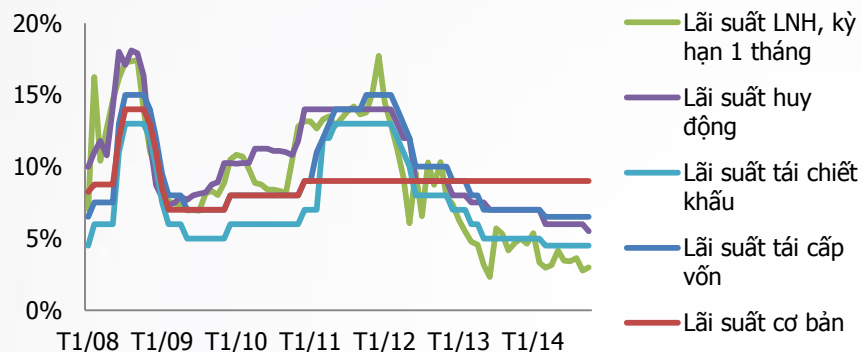
Trong tháng 10, CPI tăng chủ yếu do tăng giá ở nhóm giáo dục và nhóm thuốc và dịch vụ y tế. Trong đó nhóm giáo dục tăng 1.31% (riêng dịch vụ giáo dục tăng 1.46%) do có 15 tỉnh, thành phố điều chỉnh học phí theo lộ trình tăng học phí của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đóng góp 0.08% vào mức tăng chung; nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng 0.53% do điều chỉnh giá dịch vụ y tế của tỉnh Bến Tre +50.1% và tỉnh Thái Nguyên +1.05%.

Các nhóm hàng hóa và dịch vụ khác có chỉ số giá tăng so với tháng trước: Thiết bị và đồ dùng gia đình +0.22%; may mặc, giày dép +0.19%; đồ uống và thuốc lá +0.06%; hàng ăn và dịch vụ ăn uống +0.05%.

Bên cạnh đó có đến 3 nhóm hàng có chỉ số giảm so với tháng trước là: Giao thông -1.02% trong đó giá dịch vụ giao thông công cộng giảm 0.45% do TCT Đường sắt Việt Nam điều chỉnh giá vé tàu hỏa giảm 6.89% so với tháng trước; nhà ở và vật liệu xây dựng -0.08% do giá dầu hỏa -2.93%, gas -0.53%, điện sinh hoạt -0.16%; bưu chính viễn thông -0.03%.

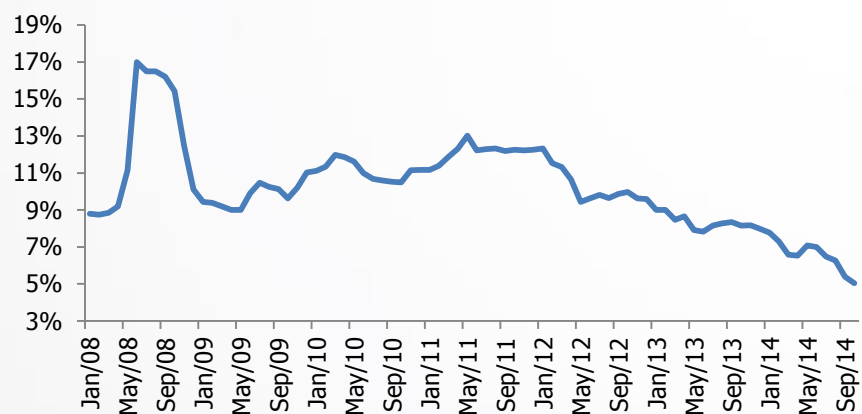
Nhìn chung, CPI tháng 10 khá ổn định nhờ vào: Giá các mặt hàng thiết yếu trên thế giới ổn định; nguồn cung lương thực, thực phẩm trong nước dồi dào; giá xăng, dầu trong nước được điều chỉnh giảm 03 đợt nên giá xăng dầu giảm 2.19%.

DIỄN BIẾN LÃI SUẤT



Nguồn: Ngân hàng Nhà nước

LÃI SUẤT TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ KÌ HẠN 5 NĂM



Nguồn: HNX, VBMA

Trong tháng 10/2014, NHNN tiếp tục giữ ổn định các mức lãi suất điều hành. Ngày 29/10/2014, NHNN điều chỉnh giảm lãi suất tiền gửi tối đa từ 6%/năm xuống 5.5%/năm (kỳ hạn từ 1 đến dưới 6 tháng) đối với VNĐ và giảm từ 1%/năm xuống 0.75%/năm đối với tiền gửi USD của cá nhân; lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng VNĐ các lĩnh vực ưu tiên cũng được điều chỉnh giảm từ mức 8%/năm xuống còn 7%/năm.

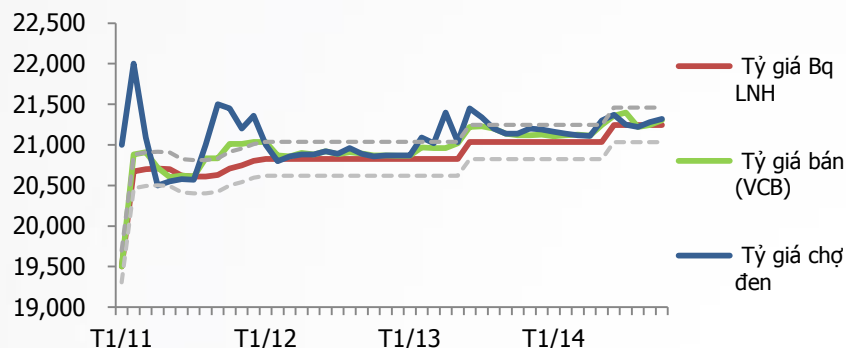
Hiện nay, mặt bằng lãi suất cho vay VNĐ phổ biến đối với lĩnh vực thông thường đã giảm khoảng 1% ở các kỳ hạn.

Tháng 10/2014, thị trường trái phiếu sơ cấp huy động được 13,821 tỷ đồng trái phiếu Chính phủ (tỷ lệ trúng thầu đạt 62.5%). So với tháng 9, khối lượng trái phiếu huy động trên thị trường sơ cấp tháng 10 tăng 7.4%. Trong đó tiếp tục chỉ huy động các trái phiếu trung và dài hạn.

Lãi suất huy động của trái phiếu kỳ hạn 5 năm khoảng 4.8-5.6%/năm, 10 năm là 6.19-6.34%/năm, 15 năm là 6.96-7.05%/năm. So với tháng 9, nhìn chung lãi suất kỳ hạn 5 năm giảm khoảng 0.8%/năm, 10 năm giảm 1%/năm, 15 năm giảm 0.95%/năm.

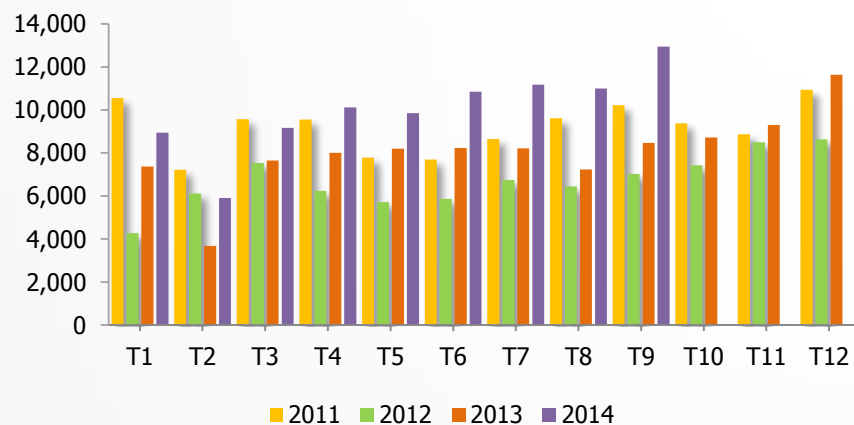
Tổng giá trị giao dịch trái phiếu thị trường thứ cấp trong tháng 10 là 87.3 nghìn tỷ đồng, tăng 7.7% so với tháng 9. Lợi suất giao dịch cuối tháng 10 đã giảm so với tháng trước ở tất cả các kỳ hạn.

TỶ GIÁ



Nguồn: Ngân hàng Nhà nước

DOANH SỐ BÁN XE CỦA CÁC THÀNH VIÊN VAMA



Nguồn: VAMA

Mặc dù có biến động tăng do yếu tố tâm lý vào đầu tháng 10, tỷ giá nhìn chung được giữ ổn định trong 10 tháng đầu năm nhờ nguồn thặng dư cán cân 2.2 tỷ USD trong 9 tháng đầu năm và tăng tích lũy dự trữ ngoại hối, thanh khoản thị trường ngoại hối khá tốt.

Đến ngày 31/10/2014, tỷ giá giao dịch liên ngân hàng là 21,246 VND/USD, tỷ giá niêm yết mua bán của các NHTM khoảng 21,255-21,305 VND/USD, tăng nhẹ so với cuối tháng 9.

Theo số liệu gần nhất của Hiệp Hội các Nhà sản xuất Ô tô Việt Nam (VAMA), doanh số bán hàng của toàn thị trường trong tháng 9/2014 đạt 16,149 xe, tăng 29% so với tháng trước và tăng đến 65% so với cùng kỳ năm trước. Đây là tháng thứ 18 liên tiếp doanh số bán hàng của toàn ngành đạt cao hơn so với cùng kỳ năm trước.

Luỹ kế 9 tháng đầu năm, tổng doanh số bán hàng của toàn thị trường tăng 39% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, xe ô tô con tăng 40% và xe tải tăng 36%. Doanh số bán hàng của xe lắp ráp trong nước tăng 30% trong khi xe nhập khẩu tăng 76% so với cùng kỳ năm trước.

VAMA cũng dự báo doanh số bán hàng cả năm 2014 có thể đạt 145,000 xe, tăng 32% so với năm 2013.

THANK YOU

Huỳnh Ngọc Thương

Trưởng Phòng Phân tích Đầu tư
thuong.huynh@vfs.com.vn

Phan Minh Đức

Chuyên viên Phân tích Cao cấp
duc.phan@vfs.com.vn

Nguyễn Trịnh Ngọc Thủy

Chuyên viên Phân tích
thuy.nguyentn@vfs.com.vn

Hội sở Hồ Chí Minh

Lầu 3, 117-119 Nguyễn Du, Quận 1, TP.HCM
T - +084 (0) 8 6255 6586
F - +084 (0) 8 6255 6580

Chi nhánh Hà Nội

Lầu 3, 18 Phố Núi Trúc, Quận Ba Đình, Hà Nội
T - +84 (0) 4 3822 3566
F - +84 (0) 4 3726 4936

Khuyến cáo: Báo cáo này phục vụ cho mục đích tham khảo thông tin, khách hàng không nên xem đây là hướng dẫn mua hoặc bán cổ phiếu. VFS không đảm bảo tính chắc chắn và không chịu trách nhiệm khi khách hàng sử dụng báo cáo cho hoạt động đầu tư của mình.